

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 2838 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 13 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020
đối với các sở, ban, ngành tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2503/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 268/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2020;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 đối với các sở, ban, ngành tỉnh theo các phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 được giao:

1. Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh được giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 có trách nhiệm lập dự toán chi tiết theo dự toán được giao để thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm việc quản lý được chặt chẽ, thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên; giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị chặt chẽ, đúng quy định, hiệu quả, hoàn thành nhiệm vụ được giao; đồng thời đề ra các biện pháp tổ chức thực hiện đúng quy định của nhà nước, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và điều chỉnh tiền lương, không để xảy ra tình trạng nợ lương cán bộ, công chức, viên chức, các khoản chi cho con người và chính sách đảm bảo xã hội theo chế độ.



2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc Sở Tài chính thông báo và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị được giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 sử dụng ngân sách, lập dự toán chi tiết gửi cơ quan tài chính thẩm tra theo quy định. Kiểm tra việc thực hiện thu, chi ngân sách theo quy định của nhà nước.

Điều 3. Căn cứ dự toán ngân sách năm 2020 được giao; các sở, ban, ngành tỉnh bố trí nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2020 được thực hiện như sau:

1. Thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) theo quy định của các cơ quan, đơn vị.

2. Đối với cơ quan, đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.

3. Các nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2019 chưa sử dụng hết, chuyển sang năm 2020 để thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kho bạc Nhà nước Kiên Giang; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh được giao dự toán thu, chi theo các phụ lục kèm theo Quyết định này; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *llg*

Nơi nhận:

- Như Điều 4 của QĐ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước Việt Nam;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực V;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- TV UBND tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, nknguyen (75b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Minh Phụng



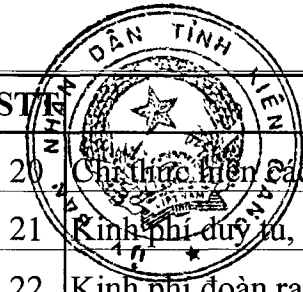
Phụ lục
KINH PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

1

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
I	TỔNG THU	
II	TỔNG CHI	1.486.007.000
1	Đào tạo, đào tạo nghề và đào tạo lại cán bộ:	67.250.000
2	Kinh phí chi hỗ trợ khác	2.000.000
3	Vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (bao gồm vốn đối ứng)	121.866.000
-	Chương trình Giảm nghèo bền vững	16.666.000
-	Chương trình Xây dựng nông thôn mới	55.200.000
-	Vốn đối ứng của địa phương giữ tập trung	50.000.000
4	Kinh phí quy hoạch	40.000.000
5	Thực hiện Dự án Đô thị thông minh	130.000.000
6	Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế các đối tượng (trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo, dân tộc thiểu số vùng khó khăn, người đang sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo, cựu chiến binh, thanh niên xung phong, bảo trợ xã hội, học sinh sinh viên, hộ cận nghèo)	427.237.000
7	Quỹ khám chữa bệnh người nghèo	12.000.000
8	Kinh phí thực hiện Chương trình ISO	2.000.000
9	Chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập của các trường cao đẳng, trung cấp	18.000.000
10	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ và công nghệ thông tin	28.200.000
11	Chi an ninh quốc phòng	51.970.000
12	Chi phát thanh truyền hình	8.000.000
13	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ văn hóa, thể dục, thể thao khác	3.000.000
14	Chi thực hiện một số nhiệm vụ khác do UBND tỉnh điều hành	50.000.000
15	Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên khác	68.053.000
16	Kinh phí tổ chức Đại hội Đảng các cấp	60.000.000
17	Chi tinh giản biên chế	84.617.000
18	Chương trình dự án bò của Hội Nông dân	2.000.000
19	Thực hiện các chương trình về xúc tiến thương mại, xuất khẩu	12.000.000



STT	Nội dung	Kinh phí
20	Chỉ thực hiện các ngày lễ lớn	4.000.000
21	Kinh phí duy tu, sửa chữa thường xuyên	40.000.000
22	Kinh phí đoàn ra, đoàn vào	4.000.000
23	Kinh phí thực hiện công tác đối ngoại	5.000.000
24	Kinh phí đầu tư lò đốt rác xã đảo	3.000.000
25	Kinh phí chuyển qua Ngân hàng Chính sách xã hội	5.000.000
26	Kinh phí thực hiện hỗ trợ sản xuất lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ.	110.798.000
27	Vốn ngoài nước.	3.880.000
28	Kinh phí ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non; chính sách ưu tiên đối với học sinh mẫu giáo, học sinh dân tộc nội trú rất ít người.	764.000
29	Kinh phí đào tạo quân sự cấp xã	211.000
30	Kinh phí thực hiện chính sách đối với đối tượng bảo trợ xã hội; hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số;...	5.633.000
31	Kinh phí nâng cấp đô thị; hỗ trợ kinh phí thực hiện đề án tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020; hỗ trợ kinh phí sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.	7.400.000
32	Kinh phí hỗ trợ an ninh, quốc phòng	10.920.000
33	Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa giới hành chính	500.000
34	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	27.709.000
35	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ địa phương	44.784.000
36	Chương trình mục tiêu đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy; phòng chống tội phạm và ma túy	2.180.000
37	Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin	3.070.000
38	Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh	300.000
39	Kinh phí phân giới cắm mốc tuyến Việt Nam - Campuchia	18.665.000

Ghi chú:

Đối với kinh phí ngân sách giữ lại chờ phân bổ, Sở Tài chính giữ lại theo dõi trình Chủ tịch UBND tỉnh phân bổ và cấp phát cho đơn vị theo tiến độ thực hiện./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục
GIỚI THIỆU TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH
CƠ QUAN: SỞ XÂY DỰNG

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

2

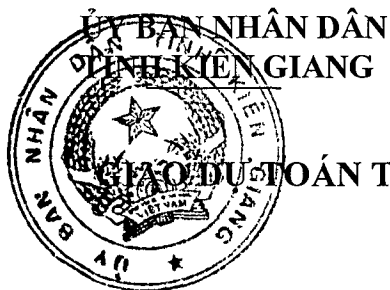
Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A	Tổng thu sự nghiệp:	14.065.000
1.	Thu sự nghiệp được để lại	13.665.000
-	Chi phí thẩm định quy hoạch, thu sát hạch	200.000
-	Thu phí	35.000
-	Thu dịch vụ	13.030.000
-	Thu khác	400.000
2.	Số thu nộp ngân sách	400.000
-	Phí, lệ phí	400.000
B	Tổng chi	20.901.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	7.236.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp: (*)	7.054.000
a	Kinh phí quản lý hành chính	6.246.000
-	Kinh phí giao tự chủ:	5.308.539
+	Chi con người	4.051.014
+	Chi công việc	1.257.525
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	937.461
b	Kinh phí sự nghiệp kinh tế	808.000
	Kinh phí không giao tự chủ	808.000
2.	Ngân sách giữ 10% tiết kiệm	182.000
II.	CHI TỪ SỐ THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	13.665.000
1.	Chi phí thẩm định quy hoạch, thu sát hạch	200.000
2.	Chi từ thu phí	35.000
3.	Chi từ dịch vụ	13.030.000
4.	Chi từ thu khác	400.000



- Chức năng: Tổng kiểm 10% ngân sách giữ lại tạo nguồn làm lương là 182.000 ngàn đồng (trong đó Quản lý hành chính là 140.000 ngàn đồng, sự nghiệp là 42.000 ngàn đồng).
2. Năm 2020, đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.
 3. Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.

Kinh phí sự nghiệp kinh tế không giao tự chủ bao gồm: Thù lao nhuận bút; kinh phí các cuộc thanh kiểm tra ngành xây dựng; soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, trang phục thanh tra, dự án chống úng, thoát nước, tư vấn báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình trụ sở làm việc, kinh phí ISO, hoạt động pháp chế, công tác phí Ban Giám đốc làm việc ngoài tỉnh;...
 5. Yêu cầu Sở Xây dựng phân bổ dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục
ĐẠI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH
CƠ QUAN: SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu:	623.000
1.	Số thu nộp ngân sách và các đơn vị liên quan	482.000
-	Thu lệ phí đăng ký kinh doanh	112.000
-	Thu phí công bố đăng ký kinh doanh	320.000
-	Thu phí thẩm định dự án	50.000
2.	Số thu đơn vị được để lại gồm:	141.000
-	Thu phí công bố đăng ký kinh doanh	96.000
-	Thu phí thẩm định dự án	45.000
B)	Tổng chi:	8.882.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	8.741.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp:	8.447.000
a)	Kinh phí quản lý hành chính:	6.642.000
-	Kinh phí giao tự chủ:	5.280.438
+	Chi con người	3.939.248
+	Chi công việc	1.341.190
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	911.562
-	Kinh phí hành chính đặc thù	450.000
b)	Kinh phí sự nghiệp kinh tế không giao tự chủ	1.805.000
2.	Ngân sách giữ 10% tiết kiệm	294.000
II.	CHI TỪ SỐ THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	141.000
-	Thu phí công bố đăng ký kinh doanh	96.000
-	Thu phí thẩm định dự án	45.000

Ghi chú:

- Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại tạo nguồn làm lương là 294.000 ngàn đồng (trong đó:
 - Quản lý hành chính là 149.000 ngàn đồng, đặc thù là 50.000 ngàn đồng và sự nghiệp là 95.000 ngàn đồng).
- Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.
- Kinh phí hành chính đặc thù bao gồm kinh phí công tác Hà Nội, tiếp và làm việc với các Bộ, ngành.

Kinh phí sự nghiệp kinh tế không giao tự chủ bao gồm những nội dung chi cho: Soạn thảo ban hành văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng và báo cáo kế hoạch kinh tế xã hội và vốn xây dựng cơ bản; một cửa liên thông đầu tư và xúc tiến thương mại; công tác thẩm định dự án đầu tư, hoạt động kiểm soát, cải cách hành chính; kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;...
- Yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư phân bổ dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục
ĐƠN VỊ: THANH TRA TỈNH
ĐƠN VỊ: THANH TRA TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

4

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu:	0
B)	Tổng chi	8.925.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	8.925.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp:	8.751.000
a)	Kinh phí quản lý hành chính:	7.121.000
-	Kinh phí giao tự chủ:	5.628.000
+	Chi con người	4.510.000
+	Chi công việc	1.118.000
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.043.000
-	Kinh phí hành chính đặc thù	450.000
b)	Kinh phí sự nghiệp kinh tế	1.630.000
-	Kinh phí trích từ các khoản thu hồi phát hiện sau thanh tra	1.500.000
-	Kinh phí sự nghiệp (1)	130.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	174.000
II	CHI TỪ SỐ THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	0

Ghi chú:

- Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại là 174.000 ngàn đồng.
- Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.
Kinh phí hành chính đặc thù bao gồm kinh phí giải quyết khiếu kiện tài chính, trực tiếp công dân và thẩm tra, xác minh, công tác tuyên truyền cơ sở pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính, kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật;....
- (1) kinh phí mua trang phục thanh tra
- Kinh phí trích từ các khoản thu hồi phát hiện sau thanh tra: Sở Tài chính sẽ thẩm tra cho đơn vị trên cơ sở số phát sinh thực nộp vào Kho bạc Nhà nước được trích lại.
- Yêu cầu Thanh tra tỉnh phân bổ dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

QUY ĐỊNH VỀ TỔNG THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH

CƠ QUAN: SỞ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu:	0
B)	Tổng chi:	13.434.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	13.434.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	13.006.000
a)	Kinh phí quản lý hành chính	11.201.000
-	Kinh phí giao tự chủ	8.759.138
+	Chi con người	6.663.263
+	Chi công việc	2.095.875
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.541.862
-	Kinh phí hành chính đặc thù	900.000
b)	Kinh phí sự nghiệp kinh tế không giao tự chủ	1.805.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	428.000
II.	CHI TỪ SỐ THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	0

Ghi chú:

- Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại tạo nguồn cải cách tiền lương là 428.000 ngàn đồng (trong đó: Quản lý hành chính là 233.000 ngàn đồng, đặc thù là 100.000 ngàn đồng và sự nghiệp là 95.000 ngàn đồng).
- Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.

Kinh phí hành chính đặc thù bao gồm kinh phí công tác lập và giao dự toán, khóa sổ quyết toán, công tác chuẩn bị tài liệu báo cáo HĐND, thẩm tra quyết toán, kiểm tra chuyên đề, công tác phí đi Hà Nội, tiếp và làm việc với các bộ, ngành...
- Kinh phí sự nghiệp kinh tế không giao tự chủ bao gồm: Kinh phí cho các cuộc thanh tra tài chính, kinh phí khảo sát giá đất, kinh phí điều tra khảo sát giá lúa, kinh phí cho công tác định giá tài sản thanh lý, kho công sản, công tác kiểm soát thủ tục hành chính, công tác giám định, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, tổng hợp các văn bản báo cáo;...
- Yêu cầu Văn phòng Sở Tài chính phân bổ dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục


**PHỤ LỤC TỔNG THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**
CƠ QUAN: SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

6

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	8.686.000
1.	Số thu đơn vị nộp ngân sách	0
2.	Số thu đơn vị được để lại, gồm:	8.686.000
-	Thu sản xuất, dịch vụ, học phí	8.486.000
-	Thu khác	200.000
B)	Tổng chi	136.857.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	128.171.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp:	125.990.000
a)	Kinh phí quản lý hành chính	7.032.000
-	Kinh phí giao tự chủ	5.743.500
+	Chi con người	4.402.000
+	Chi công việc	1.341.500
-	Kinh phí cải cách tiền lương	1.018.500
-	Kinh phí hành chính đặc thù không giao tự chủ	270.000
b)	Kinh phí sự nghiệp	118.958.000
	Kinh phí sự nghiệp đảm bảo xã hội	51.308.000
-	Kinh phí giao tự chủ	11.571.100
+	Chi con người	8.751.000
+	Chi công việc	2.820.100
-	Kinh phí cải cách tiền lương	1.845.000
-	Kinh phí không giao tự chủ	37.891.900
+	Chi con người	467.000
+	Chi công việc	108.900
+	Kinh phí cải cách tiền lương	108.000



	Nội dung	Kinh phí
	Kinh phí sự nghiệp đảm bảo xã hội	37.208.000
	Kinh phí thực hiện CTMT Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động	19.255.000
	Kinh phí thực hiện CTMT Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	5.246.000
	Kinh phí sự nghiệp đào tạo	42.519.000
-	Kinh phí giao tự chủ	22.743.200
+	Chi con người	19.285.000
+	Chi công việc	3.458.200
-	Kinh phí cải cách tiền lương	88.000
-	Kinh phí sự nghiệp đào tạo không giao tự chủ	19.687.800
	Kinh phí chi khác ngân sách	630.000
2.	Ngân sách giữ 10% tiết kiệm	2.181.000
II.	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	8.686.000
-	Chi sản xuất, dịch vụ, học phí	8.486.000
-	Chi khác	200.000

Ghi chú:

- Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại tạo nguồn làm lương là 2.181.000 nghìn đồng.
- Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.
- Năm 2020 đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.
- Kinh phí sự nghiệp đảm bảo xã hội bao gồm: Sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ trẻ em, chi công tác người có công với cách mạng; chương trình an toàn vệ sinh lao động; chương trình điều trị cắt cơn bằng thuốc Cedemex; đề án công tác nghề xã hội, chương trình điều tra hộ nghèo, đề án trợ giúp người khuyết tật; chương trình phòng chống tệ nạn xã hội;...
- Yêu cầu đơn vị phân bổ dự toán chi tiết gửi cơ quan tài chính trước ngày 10/01/2020./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

**CHƯƠNG TRÌNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

7

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
	Tổng chi	100.000
	NGÂN SÁCH CẤP	100.000
	Kinh phí sự nghiệp không giao tự chủ:	100.000
	- Sự nghiệp môi trường	100.000

Ghi chú:

Yêu cầu đơn vị phân bổ dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**CHẾ ĐỘ TỐN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: HỘI BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

58

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
I.	Tổng thu	
II.	Tổng chi	110.000
1.	Tổng chi hành chính ngân sách cấp	110.000
	Chi hỗ trợ hoạt động sự nghiệp	110.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	
3.	Chi từ số thu được để lại	

Ghi chú:

Yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020 ./.



Phụ lục

**QUYẾT ĐỊNH TÀI CHÍNH THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

CƠ QUAN: SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Quyết định số 2338 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

9

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu:	4.108.000
1.	Số thu được để lại	4.091.300
-	Thu từ hoạt động phí, lệ phí	91.300
-	Thu hoạt động dịch vụ	4.000.000
2.	Số thu nộp ngân sách	16.700
B)	Tổng chi (I+II)	23.792.300
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	19.701.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	19.582.000
a)	Kinh phí quản lý hành chính	4.513.000
-	Kinh phí giao tự chủ (1)	3.752.000
+	Chi con người	2.901.000
+	Chi công việc	851.000
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	671.000
-	Kinh phí hành chính đặc thù không giao tự chủ (2)	90.000
b)	Kinh phí sự nghiệp	15.069.000
-	Kinh phí giao tự chủ	1.861.000
+	Chi con người	1.730.000
+	Chi công việc	131.000
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	88.000
-	Kinh phí không giao tự chủ	13.120.000
+	* Kinh phí thực hiện đề tài, nhiệm vụ quản lý khoa học công nghệ và chương trình sự nghiệp	13.000.000
+	Sự nghiệp môi trường	120.000
2.	Ngân sách giữ 10% tiết kiệm	119.000
II.	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	4.091.300



Ghi chú

1. Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại: 119.000 ngàn đồng, (trong đó: Quản lý hành chính là 105.000 ngàn đồng và sự nghiệp là 14.000 ngàn đồng).

2. (1) Kinh phí quản lý hành chính bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.
3. (2) Kinh phí hành chính đặc thù thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học công nghệ.
4. Năm 2020, đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.
5. Yêu cầu Sở Khoa học và Công nghệ có kế hoạch phân bổ chi tiết cho các đơn vị trực thuộc gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

GIÁO DỤ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH

CƠ QUAN: SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

10

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	1.230.000
1.	Số thu được để lại	1.227.000
-	Thu từ hoạt động phí, lệ phí	27.000
-	Thu hoạt động dịch vụ	1.200.000
2.	Số thu nộp ngân sách	3.000
B)	Tổng chi (I+II)	9.799.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	8.572.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	8.222.000
a)	Kinh phí quản lý hành chính	4.025.000
-	Kinh phí giao tự chủ	3.312.000
+	Chi con người	2.614.000
+	Chi công việc	698.000
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	605.000
-	Kinh phí hành chính đặc thù (1)	108.000
b)	Kinh phí sự nghiệp	4.197.000
-	Kinh phí giao tự chủ	1.127.000
+	Chi con người	854.000
+	Chi công việc	273.000
-	Chi hoạt động sự nghiệp không giao tự chủ	3.070.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	350.000
II.	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	1.227.000



1. Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại: 350.000 ngàn đồng, (trong đó: Quản lý hành chính là 90.000 ngàn đồng và sự nghiệp là 260.000 ngàn đồng).

2. Kinh phí quản lý hành chính bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.

Kinh phí hành chính đặc thù bao gồm thực hiện hoạt động phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin và làm việc với các bộ, ngành; Hội nghị, hội thảo chuyên ngành, mua sắm trang phục thanh tra; Công tác kiểm tra rà soát văn bản quy phạm pháp luật; Công tác kiểm tra, rà soát thủ tục hành chính; Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật;...

4. Kinh phí hoạt động sự nghiệp không giao tự chủ, trong đó:

* Văn phòng Sở: Kinh phí hoạt động kiểm tra, giám sát ngành thông tin và truyền thông; thù lao nhuận bút; đọc xuất bản phẩm lưu chiểu; kinh phí tuyên truyền, tập huấn về lĩnh vực thuộc thông tin và truyền thông; kinh phí tổ chức Ngày sách Việt Nam; kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao,...

* Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông: Kinh phí thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ cho máy chủ; tiền điện, nhiên liệu và thuê đường truyền máy chủ,...

5. Kinh phí thực hiện các chương trình sự nghiệp công nghệ thông tin 16.000.000 ngàn đồng được giữ tập trung tại nguồn chưa phân bổ. Trên cơ sở kế hoạch ứng dụng hoạt động công nghệ thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông đã được UBND tỉnh phê duyệt, Sở Tài chính sẽ trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí trực tiếp cho đơn vị thụ hưởng .

6. Năm 2020, đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.

7. Yêu cầu Sở Thông tin và Truyền thông phân bổ dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



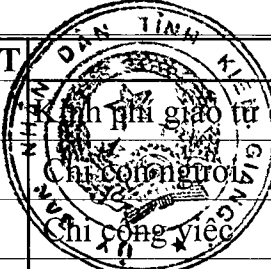
Phụ lục

**GIÁO ĐUỐI TOÀN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH
CƠ QUAN: SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**

(Kèm theo Quyết định số 2338 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Ngân đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu:	6.803.020
1.	Số thu đơn vị được để lại	6.751.570
-	Phí, lệ phí	73.050
-	Thu dịch vụ	6.003.310
-	Thu khác	675.210
2.	Số thu đơn vị nộp ngân sách	51.450
B)	Tổng chi (I+II):	61.519.570
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (1+2)	54.768.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	52.454.000
a)	Chi hành chính thường xuyên	6.549.000
-	Kinh phí giao tự chủ	5.191.373
+	Chi con người	4.073.573
+	Chi công việc	1.117.800
-	Kinh phí cải cách tiền lương	942.627
-	Kinh phí hành chính đặc thù không giao tự chủ	270.000
-	Kinh phí Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa	145.000
b)	Kinh phí sự nghiệp	45.905.000
b.1)	Sự nghiệp văn hóa, thể thao	36.873.000
-	Kinh phí giao tự chủ	10.887.000
+	Chi con người	8.460.000
+	Chi công việc	2.427.000
-	Kinh phí cải cách tiền lương	1.444.000
-	Chi các chương trình sự nghiệp	24.542.000
b.2)	Sự nghiệp đào tạo	9.032.000



STT	Nội dung	Kinh phí
-	Kinh phí giao từ chủ	3.734.500
+	Chi công nợ	3.118.000
+	Chi công việc	616.500
-	Kinh phí cải cách tiền lương	451.000
-	Chi các chương trình sự nghiệp	4.846.500
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	2.314.000
II.	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	6.751.570
1	Chi từ thu phí, lệ phí	73.050
2	Chi từ thu dịch vụ	6.003.310
3	Thu khác	675.210

Ghi chú:

- Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại: 2.314.000 ngàn đồng, (trong đó: Quản lý hành chính là 124.000 ngàn đồng, đặc thù là 30.000 ngàn đồng, sự nghiệp đào tạo là 323.000 ngàn đồng và sự nghiệp văn hóa, thể thao là 1.837.000 ngàn đồng).
1. Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.

- Kinh phí hành chính đặc thù bao gồm: Thực hiện hoạt động phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và thể thao làm việc với các Bộ, ngành; khảo sát hoạt động kiểm tra hoạt động cấp cơ sở và tổ chức tập huấn cho cơ sở về kiến thức quản lý, ...
- 3.

- Kinh phí sự nghiệp bao gồm mua sách mới thường xuyên bổ sung cho các kho thư viện phục vụ bạn đọc; Dàn dựng chương trình ca múa nhạc phục vụ Tết và các lễ hội trong năm 2020 Đoàn Nghệ thuật Khmer; chi phí phục vụ vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới 50 suất của Đoàn Nghệ thuật Khmer; chi phí phục vụ vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới của Đoàn Cải lương Nhân dân Kiên Giang; chi phí tuyên truyền lưu động ở cơ sở của Trung tâm Văn hóa; triển khai thực hiện Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2018 - 2020” năm 2020 ; kinh phí duy trì tập luyện các đội tuyển tỉnh, thể thao thành tích cao; kinh phí đào tạo đội tuyển năng khiếu tỉnh; kinh phí đào tạo đội tuyển trẻ tỉnh; đăng cai các Giải vô địch quốc gia; đăng cai các Giải Đại hội TDTT Đồng bằng Sông Cửu Long lần thứ IX năm 2020 tại Kiên Giang; các môn tham dự Đại hội TDTT ĐBSCL lần thứ IX và các giải toàn quốc; tổ chức Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng bào Khmer tại Gò Quao năm 2020;...
- 4.



Phụ lục

**GIẢI THÍCH AN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH
CƠ QUAN: SỞ DU LỊCH**

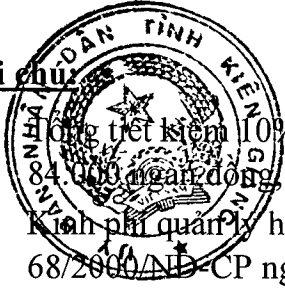
(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

12

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	120.000
1.	Số thu nộp ngân sách (Thu Lệ phí)	120.000
B)	Tổng chi (I+II)	6.184.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (1+2)	6.184.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	5.985.000
a)	Chi hành chính thường xuyên	4.140.000
-	Kinh phí giao tự chủ (1)	3.431.000
+	Chi con người	2.677.000
+	Chi công việc	754.000
-	Kinh phí cải cách tiền lương	619.000
-	Kinh phí hành chính đặc thù (2)	90.000
b)	Kinh phí sự nghiệp không giao tự chủ (3)	1.845.000
-	Sự nghiệp kinh tế	1.710.000
-	Sự nghiệp khác	135.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	199.000
II.	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	

Ghi chú:



1. Kinh phí kiểm 10% ngân sách giữ lại: 199.000 ngàn đồng, (trong đó: Quản lý hành chính là 84.000 ngàn đồng, đặc thù là 10.000 ngàn đồng và sự nghiệp là 105.000 ngàn đồng).
2. Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.
Kinh phí hành chính đặc thù bao gồm thực hiện hoạt động phục vụ công tác xử phạt vi phạm
3. hành chính trong lĩnh vực thanh tra, làm việc với các Bộ, ngành; hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Kinh phí sự nghiệp không giao tự chủ bao gồm thực hiện công tác tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và hoạt động trong lĩnh vực du lịch; kinh phí khảo sát, kiểm tra hoạt động ở
4. cơ sở; kinh phí thẩm định, xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch, cấp biển hiệu, thống kê du lịch và hoạt động lữ hành; kinh phí tham gia các chương trình hợp tác, liên kết, các hoạt động năm du lịch quốc gia; kinh phí khảo sát, thẩm định đề nghị công nhận khu, điểm du lịch và các hoạt động phục vụ cho ngành du lịch.
5. Yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

**GISO ĐU ĐOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: TỈNH ĐOÀN

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

13

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	5.410.000
1.	Số thu được để lại	5.410.000
-	Thu hoạt động dịch vụ	5.410.000
B)	Tổng chi (I+II)	27.581.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (1+2)	22.171.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	20.895.000
a)	Kinh phí quản lý hành chính	11.009.000
-	Kinh phí giao tự chủ	3.533.000
+	Chi con người	2.750.000
+	Chi công việc	783.000
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	636.000
-	Kinh phí hành chính đặc thù không giao tự chủ	6.840.000
b)	Kinh phí sự nghiệp:	9.886.000
-	Kinh phí giao tự chủ các đơn vị sự nghiệp	2.124.000
+	Chi con người	1.904.000
+	Chi công việc	220.000
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	127.000
-	Kinh phí sự nghiệp không giao tự chủ:	7.635.000
+	Chương trình sự nghiệp	5.760.000
+	Kinh phí sự nghiệp môi trường	450.000
+	Kinh phí sự nghiệp đào tạo	1.425.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	1.276.000
II.	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	5.410.000



10% ngân sách giữ lại: 1.276.000 ngàn đồng (trong đó: Quản lý hành chính là 847.000 ngàn đồng và sự nghiệp là 429.000 ngàn đồng).

2. Kinh phí hành chính đặc thù không giao tự chủ để thực hiện một số nhiệm vụ chính như: Tình nguyện hè; giao lưu Việt Nam- Campuchia; hành trình "Tuổi trẻ vì biển đảo quê hương" Thổ Châu; tham dự các hoạt động của Trung ương; hội thi tuyên truyền Đại hội Đảng; hội nghị báo cáo viên cấp tỉnh; hội thi Trục tuyển tìm hiểu về lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam + Chủ nghĩa Mac - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh tổ chức hoạt động chăm lo, hỗ trợ thanh niên công nhân và người lao động,...
3. Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.

4. Kinh phí sự nghiệp không giao tự chủ bố trí thực hiện một số nội dung như Hội nghị tập huấn về tư vấn giới thiệu việc làm, công tác đào tạo nghề, ngày hội thanh thiếu niên Mừng Đảng - Mừng Xuân; Liên hoan phụ trách tài năng lần thứ VIII tại tỉnh Cà Mau, Liên hoan các Trung tâm hoạt động Thanh thiếu niên lần thứ IV tại tỉnh Đồng Tháp, liên hoan cấp khu vực, hội thi chung kết tìm hiểu kiến thức lịch sử Việt Nam, liên hoan tuyên truyền măng non, liên hoan tiếng kèn hệ thống Nhà Thiếu nhi, liên hoan thiếu nhi các dân tộc mừng Đảng, mừng Xuân,...
5. Kinh phí đào tạo không giao tự chủ 1.425.000 ngàn đồng Sở Tài chính sẽ thẩm tra phân bổ cho đơn vị trên cơ sở theo kế hoạch đào tạo được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

6. Do tính chất đặc thù các hoạt động phong trào của Tỉnh đoàn có những nội dung chi chưa có định mức chi cụ thể. Do đó trên cơ sở dự toán được giao và chương trình hành động trong năm được Trung ương Đoàn và các cấp có thẩm quyền giao. Yêu cầu Tỉnh đoàn và các đơn vị trực thuộc xây dựng dự toán chi tiết theo từng nội dung công việc gửi Sở Tài chính thẩm tra chi tiết trước khi thực hiện và làm cơ sở để thực hiện kiểm soát chi.
7. Năm 2020, đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.
8. Yêu cầu Tỉnh Đoàn lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục
GAO ĐƠN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH
TỈNH
CƠ QUAN: SỞ TƯ PHÁP

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

14

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	6.406.000
1.	Số thu được để lại	4.890.000
-	Thu từ hoạt động phí, lệ phí	4.890.000
2.	Số thu nộp ngân sách	1.516.000
B)	Tổng chi (I+II)	17.234.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (1+2)	12.344.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	11.861.000
a)	Kinh phí quản lý hành chính	5.032.000
-	Kinh phí giao tự chủ	4.792.000
+	Chi con người	3.674.000
+	Chi công việc	1.118.000
-	Kinh phí cải cách tiền lương	15.000
-	Kinh phí hành chính đặc thù không giao tự chủ	225.000
b)	Kinh phí sự nghiệp	6.829.000
-	Kinh phí giao tự chủ	2.049.000
+	Chi con người	1.548.000
+	Chi công việc	501.000
-	Kinh phí cải cách tiền lương	358.000
-	Kinh phí sự nghiệp không giao tự chủ	4.422.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	483.000
II.	CHI TỪ SỐ THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	4.890.000

Ghi chú:



1. Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại: 483.000 ngàn đồng, (trong đó: Quản lý hành chính là 149.000 ngàn đồng và sự nghiệp là 334.000 ngàn đồng).
2. Kinh phí quản lý hành chính bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.
Kinh phí hành chính đặc thù không giao tự chủ để thực hiện một số nhiệm vụ chính như: Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác tư pháp năm 2019 và triển khai công tác năm 2020; tập huấn nghiệp vụ chuyên môn ngành của Sở Tư pháp như quốc tịch, hộ tịch, lý lịch tư pháp, nuôi con nuôi, bồi thường nhà nước, công chứng;...
3. * Đối với kinh phí sự nghiệp trong đó ngân sách bố trí vốn đối ứng thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới với tổng số tiền là: 2.375.000 ngàn đồng dùng để tuyên truyền tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân. Ngoài ra còn thực hiện một số nội dung như: Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; công tác phổ biến giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật;
4. công tác xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện tổ chức trợ giúp pháp lý nhà nước theo Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng chính phủ ban hành chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn năm 2016-2020 và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình,...
5. Năm 2020, đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.
6. Yêu cầu Sở Tư pháp lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Phụ lục
**GIAO DỊCH TOÀN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**
ĐƠN VỊ: BAN AN TOÀN GIAO THÔNG TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
I.	TỔNG THU	0
II.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (1+2)	5.623.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	5.360.000
a)	Kinh phí quản lý hành chính	610.000
-	Kinh phí giao tự chủ	517.344
+	Chi con người	400.406
+	Chi công việc	116.938
-	Kinh phí cải cách tiền lương	92.656
b)	Chi sự nghiệp giao không tự chủ	4.750.000
	Xử phạt vi phạm hành chính	4.750.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	263.000

Ghi chú:

1. Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại tạo nguồn cải cách tiền lương là 263.000 ngàn đồng (trong đó: Quản lý hành chính là 13.000 ngàn đồng và sự nghiệp là 250.000 ngàn đồng).
2. Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.




Phụ lục
**GIỚI THIỆU TOÀN THƯ, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH
TỈNH**

CƠ QUAN: SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A	Tổng thu:	110.670.851
1	Số thu đơn vị được để lại	45.281.851
-	Thu phí	9.775.851
-	Thu sự nghiệp, dịch vụ	35.506.000
2	Số thu đơn vị nộp ngân sách	65.389.000
B	Tổng chi (I+II):	185.142.851
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (1+2)	139.861.000
1	Tổng chi ngân sách cấp:	133.392.000
1.1.	Kinh phí quản lý hành chính	14.612.000
a)	Văn phòng Sở	6.057.874
-	Kinh phí giao tự chủ	5.967.874
+	Chi con người	3.915.987
+	Chi công việc	1.145.745
+	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	906.142
-	Kinh phí hành chính đặc thù	90.000
b)	Thanh tra giao thông	8.554.126
-	Kinh phí giao tự chủ	7.219.711
+	Chi con người	5.766.571
+	Chi công việc	1.453.140
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.334.415
1.2.	Kinh phí sự nghiệp giao thông	118.780.000
a)	Kinh phí giao tự chủ (Cảng vụ Đường thủy nội địa)	2.500.000
-	Chi con người	2.050.000
-	Chi công việc	450.000



STT	Nội dung	Kinh phí
b)	Kinh phí giao không tự chủ	116.280.000
-	Thanh tra giao thông (xử phạt vi phạm hành chính)	6.935.000
-	Cảng vụ Đường thủy nội địa (xử phạt vi phạm hành chính)	570.000
-	Sở Giao thông vận tải (sửa chữa cầu đường tỉnh lộ, đường thủy nội địa); hoạt động thu lệ phí.	99.750.000
-	Xí nghiệp Bến xe tàu (trợ giá cước vận chuyển Thổ Chu)	9.025.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	6.469.000
II.	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	45.281.851
-	Thu phí	9.775.851
-	Thu sự nghiệp, dịch vụ	35.506.000

Ghi chú:

- Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại tạo nguồn cải cách tiền lương là 6.469.000 ngàn đồng (trong đó: Quản lý hành chính là 289.000 ngàn đồng, đặc thù là 10.000 ngàn đồng và sự nghiệp là 6.170.000 ngàn đồng).
1. Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.
 2. Năm 2020, đơn vị giữ tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.
 3. Yêu cầu Sở Giao thông vận tải phân bổ dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**QUY ĐỊNH TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

CƠ QUAN: SỞ NỘI VỤ

(Kèm theo Quyết định số 838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

17

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	2.234.000
1.	Số thu được để lại	2.232.600
-	Thu từ hoạt động phí, lệ phí	612.600
-	Thu hoạt động dịch vụ	1.500.000
-	Thu khác	120.000
2.	Số thu nộp ngân sách	1.400
B)	Tổng chi (I+II)	48.372.600
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (1+2)	46.140.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp (a+b) (1)	44.027.000
a)	Chi hành chính thường xuyên	11.343.000
-	Kinh phí giao tự chủ:	8.290.000
+	Chi con người	6.389.000
+	Chi công việc	1.901.000
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.478.000
-	Kinh phí hành chính đặc thù không tự chủ (2)	1.575.000
b)	Kinh phí sự nghiệp	32.684.000
-	Kinh phí giao tự chủ:	561.000
-	Kinh phí giao không tự chủ	32.123.000
+	Sự nghiệp đào tạo	4.750.000
+	Chương trình sự nghiệp	3.623.000
+	Chi khen thưởng	23.750.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% chi công việc tạo nguồn làm lương	2.113.000
II.	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	2.232.600

STT	Nội dung	Kinh phí
-----	----------	----------

Ghi chú

1. Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại: 2.113.000 ngàn đồng, (trong đó: Quản lý hành chính là 386.000 ngàn đồng và sự nghiệp là 1.727.000 ngàn đồng).
2. Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.
 Kinh phí đặc thù trong đó bao gồm kinh phí tổ chức hội nghị tuyên truyền phổ biến pháp luật cho các chức sắc, tín đồ tôn giáo, nghiệp vụ tín ngưỡng...; hội họp, xác minh đơn thư khiếu nại, tố cáo, thanh tra...
4. Các chương trình sự nghiệp bao gồm kinh phí cải cách thủ tục hành chính, kiểm tra đột xuất cải cách hành chính một cửa; kinh phí tuyên truyền; kinh phí bảo vệ biên chế của tỉnh; điều tra xã hội học; Đề án Vị trí việc làm; giám sát, xét tuyển thi tuyển công chức, viên chức các huyện và đơn vị sự nghiệp công lập; đề án Sáp nhập ấp, khu phố; hội thi thanh niên; thực hiện kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 06/04/2018 của UBND tỉnh; công tác thu thập, bổ sung và bảo quản tài liệu lưu trữ;... và các yếu tố khối lượng, định mức, chế độ công việc tăng so năm trước;...
5. Kinh phí sự nghiệp đào tạo trong đó ngân sách bố trí vốn đối ứng thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới với số tiền: 1.275.000 ngàn đồng dùng để đào tạo, bồi dưỡng kiến thức năng lực quản lý hành chính, kinh tế xã hội chuyên sâu cán bộ xã.
6. * Năm 2020, đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.
7. Yêu cầu Sở Nội vụ lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2338 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

18

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	0
B)	Tổng chi ngân sách (1+2)	3.676.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp (a+b)	3.556.000
a)	Chi quản lý đơn vị sự nghiệp	2.416.000
-	Kinh phí giao tự chủ	2.170.800
+	Chi con người	1.625.800
+	Chi công việc	545.000
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	245.200
b)	Kinh phí chương trình sự nghiệp	1.140.000
	Kinh phí không giao tự chủ	1.140.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	120.000

Ghi chú:

- 1 Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại: 120.000 ngàn đồng (trong đó: chi công việc là 60.000 ngàn đồng và sự nghiệp là 60.000 ngàn đồng).
- 2 Kinh phí sự nghiệp không giao tự chủ: công thông tin điện tử; khảo sát chỉ số năng lực cạnh tranh; in ấn bản tin đầu tư, thương mại và du lịch;...



Phụ lục

**GIÁC ĐU TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH
CƠ QUAN: SỞ NGOẠI VỤ**

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

19

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	0
B)	Tổng chi (I+II)	4.378.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP (1+2) (1)	4.220.000
1.	Chi hành chính thường xuyên	4.220.000
-	Kinh phí giao tự chủ	2.973.550
+	Chi con người	2.275.300
+	Chi công việc	698.250
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	526.450
-	Kinh phí đặc thù hành chính không giao tự chủ (2)	720.000
II.	NGÂN SÁCH GIỮ LẠI 10% TIẾT KIỆM	158.000

Ghi chú:

- (1) Ngân sách giữ lại 10% chi ngân sách để tạo nguồn tăng lương là 158.000 ngàn đồng (trong đó: quản lý hành chính: 78.000 ngàn đồng; đặc thù: 80.000 ngàn đồng).
- (2) Kinh phí đặc thù để thực hiện một số nhiệm vụ: Tập huấn nghiệp vụ và hội nghị do Bộ Ngoại giao tổ chức; chi phí làm hộ chiếu, visa cho lãnh đạo tỉnh; chi phí xăng xe đưa rước các đoàn ra, đoàn vào.....
- Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.
- Yêu cầu Sở Ngoại vụ lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước 10/01/2020./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

**GIÁO ĐUỠ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ,
BAN, NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: HỘI NẠM NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

20

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	
B)	Tổng chi	319.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	319.000
	Chi hỗ trợ hoạt động	319.000
	Kinh phí không giao tự chủ	319.000
-	Chi con người	231.000
-	Chi công việc	88.000

Ghi chú

Yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020 ./.



Phụ lục

**CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH
CƠ QUAN: VĂN PHÒNG UBND TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu:	1.540.000
1.	Thu sự nghiệp	1.540.000
-	Thu dịch vụ	1.540.000
B)	Tổng chi (I+II):	27.824.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (1+2)	26.284.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp (a+b). Trong đó:	24.986.000
a)	Chi hành chính thường xuyên	18.217.000
-	Kinh phí giao tự chủ	8.546.533
+	Chi con người	6.786.383
+	Chi công việc	1.760.150
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.570.467
-	Kinh phí hành chính đặc thù không tự chủ	8.100.000
b)	Kinh phí sự nghiệp	6.769.000
-	Kinh phí giao tự chủ	2.277.900
+	Kinh phí chi con người	1.603.000
	Trung tâm Tin học - Công báo	887.000
	Nhà khách UBND	716.000
+	Kinh phí công việc	674.900
	Trung tâm Tin học - Công báo	369.900
	Nhà khách UBND	305.000
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (TT TH-CB)	198.000
-	Kinh phí giao không tự chủ (các chương trình sự nghiệp)	4.293.100
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	1.298.000
II.	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	1.540.000
-	Từ thu dịch vụ	1.540.000



1. Tổng số tiền 10% ngân sách giữ lại tạo nguồn cải cách tiền lương là 1.298.000 ngàn đồng (trong đó: Quản lý hành chính là 196.000 ngàn đồng, kinh phí đặc thù là 900.000 ngàn đồng và hoạt động sự nghiệp là 202.000 ngàn đồng).
2. Năm 2020, đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.
3. Kinh phí đặc thù: Bao gồm kinh phí cải cách hành chính, chăm sóc cây kiểng, các hoạt động đặc thù của Thường trực UBND tỉnh,...
4. Kinh phí sự nghiệp bao gồm kinh phí công nghệ thông tin là 1.900.000 ngàn đồng, kinh phí công báo là 370.000 ngàn đồng, kinh phí hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và kinh phí Trung tâm Phục vụ hành chính công là 2.150.000 ngàn đồng.
5. Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.
6. Yêu cầu Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GAO DU TOAN THU, CHI NGAN SACH NAM 2020 DOI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH
TỈNH**

CƠ QUAN: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

22

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	63.526.740
1.	Số thu được để lại	58.854.760
-	Phí được để lại	8.498.760
-	Thu dịch vụ	50.147.000
-	Thu khác	209.000
2.	Số thu nộp ngân sách	4.671.980
	Phí, lệ phí	4.671.980
B)	Tổng chi (I+II)	110.366.760
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	51.512.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	49.320.000
a)	Chi quản lý hành chính	9.233.000
-	Kinh phí giao tự chủ:	7.990.000
+	Chi con người	6.161.000
+	Chi công việc	1.829.000
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	973.000
-	Kinh phí hành chính đặc thù không tự chủ (*)	270.000
b)	Kinh phí sự nghiệp kinh tế	34.045.000
-	Kinh phí giao tự chủ	3.876.000
+	Chi con người	3.226.000
+	Chi công việc	650.000
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	176.000
-	Kinh phí giao không tự chủ (**)	29.993.000
c)	Kinh phí sự nghiệp môi trường	5.682.000
-	Kinh phí giao tự chủ	600.000
+	Chi con người	600.000
-	Kinh phí không giao tự chủ (***)	5.082.000
d)	Kinh phí chi thường xuyên khác	360.000
	Chi các hoạt động tuyên truyền	360.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	2.192.000
II.	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	58.854.760
-	Chi từ thu phí	8.498.760
-	Chi từ thu dịch vụ	50.147.000
-	Chi từ thu khác	209.000

Ghi chú:



1 Ngân sách giữ lại 10% chi ngân sách để tạo nguồn tăng lương là 2.192.000 ngàn đồng (quản lý nhà nước 233.000 ngàn đồng, chi thường xuyên khác 40.000 ngàn đồng, chi bảo vệ môi trường 268.000 ngàn đồng, chi sự nghiệp kinh tế 1.651.000 ngàn đồng).

2. Năm 2020* đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.

3. (*) Trong đó bao gồm đi công tác giải quyết các vướng mắc các lĩnh vực do ngành quản lý, tham gia các phiên tòa xử lý các vụ án tranh chấp đất đai được UBND tỉnh ủy quyền ...

(**) Trong đó đã bao gồm Thanh tra xét khiếu nại-tổ cáo giải quyết tranh chấp đất đai; kiểm tra trách nhiệm đối với cấp huyện, cấp xã; Chỉ các hoạt động tuyên truyền; trang phục thanh tra của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường; chi hoạt động liên quan đến Tài nguyên khoáng sản; chi hoạt động liên quan Tài nguyên nước;... Phục vụ công tác thẩm định giá đất; công tác định giá đất... Công tác lưu trữ; Tuyên truyền các lĩnh vực tài nguyên và môi trường; tổ chức tập huấn, đi công tác liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin; kiểm tra, giám sát công nghệ thông tin hàng năm... Giao dịch bảo đảm; thẩm định hồ sơ thực hiện các thủ tục hành chính về biến động và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổ chức, hộ gia đình và cá nhân; công tác lưu trữ hồ sơ địa chính và chỉnh lý biến động đất đai; công tác kiểm tra về lĩnh vực đất đai theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức tham gia hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực đất đai;... Công tác quản lý đất công; rà soát lại tình hình quản lý quỹ đất của các Trung tâm quỹ đất các huyện và công tác thanh tra, kiểm tra;... Dự án quản lý tài nguyên, môi trường - đồng bộ hóa toàn bộ dữ liệu tài nguyên, môi trường của tỉnh Kiên Giang;...

5. *** Kinh phí sự nghiệp môi trường trong đó bao gồm: Kiểm tra việc chấp hành pháp luật, hội thảo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; hướng dẫn tập huấn thực hiện các hoạt động giảm nhẹ khí nhà kính phù hợp với các điều kiện với các điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương; xây dựng hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;... kiểm tra việc chấp hành Luật bảo vệ môi trường; kiểm tra công tác quản lý, xử lý chất thải nguy hại; kiểm tra, xác nhận việc hoàn thành các công trình BVMT phục vụ giai đoạn vận hành dự án, nội dung dự án/phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung; tuyên truyền về môi trường; tập huấn về quản lý, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; tổ chức biên soạn và in ấn tài liệu tuyên truyền về môi trường; điều tra, đánh giá, phân loại và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải; xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020;... tập huấn về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, tập huấn cho viên chức làm công tác quan trắc lĩnh vực môi trường; quan trắc định kỳ 04 lần /năm; mua hóa chất phân tích mẫu và công tác khác liên quan theo quy định;...

6. Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.

7. Yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường có kế hoạch phân phối chi tiết cho các đơn vị trực thuộc gửi về Sở Tài chính trước 10/01/2020./.



Phụ lục

**GAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**


CƠ QUAN: SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

23

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu:	112.793.758
1.	Số thu đơn vị được để lại gồm:	112.187.140
-	Thu từ hoạt động phí	3.055.382
-	Thu hoạt động dịch vụ	109.131.758
2.	Số thu đơn vị nộp ngân sách	606.618
B)	Tổng chi (I+II)	349.594.140
I.	TỔNG CHI NSNN (1+2)	237.407.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp:	231.528.000
a)	Kinh phí quản lý hành chính	37.796.000
-	Kinh phí giao tự chủ (*)	32.657.000
+	Chi con người	25.381.000
+	Chi công việc	7.276.000
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	4.689.000
-	Kinh phí hành chính đặc thù không giao tự chủ	450.000
b)	Kinh phí sự nghiệp:	193.732.000
b.1	Sự nghiệp kinh tế	62.231.000
-	Kinh phí giao tự chủ	53.769.000
+	Chi con người	39.949.000
+	Chi công việc	13.820.000
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	8.462.000
b.2	Kinh phí không giao tự chủ:	131.501.000
-	Chi chương trình sự nghiệp	66.091.000
-	Chi hoạt động đối ứng của Ban Quản lý Dự án VnSAT	3.000.000



STT	Nội dung	Kinh phí
-	Chi sự nghiệp môi trường	450.000
-	Chi sự nghiệp khác	360.000
-	Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	6.600.000
-	Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	2.000.000
-	Chi cấp bù miễn thủy lợi phí	53.000.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	5.879.000
II.	CHI TỪ SỐ THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	112.187.140
-	Chi từ hoạt động phí	3.055.382
-	Chi hoạt động dịch vụ	109.131.758

Ghi chú:

- Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại: 5.879.000 ngàn đồng, (trong đó: Quản lý hành chính: 858.000 ngàn đồng; sự nghiệp 5.021.000 ngàn đồng).
- Đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.
Kinh phí phòng chống cháy rừng năm 2020 ngân sách đã bố trí cho các đơn vị thụ hưởng trên cơ sở kế hoạch kinh phí phòng chống, cháy rừng của Ban Chỉ huy Phòng chống cháy rừng. Riêng kinh phí hỗ trợ hoạt động phòng cháy chữa cháy rừng của BQL rừng Lâm trường 422, Sở Tài chính giao về Sở Nông nghiệp và PTNT giữ tập trung khi nào Lâm trường 422 có dự toán chi tiết nội dung thực hiện, Sở Tài chính sẽ trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh về cho Lâm trường 422 thực hiện.
- Kinh phí hành chính đặc thù dùng để chi cho các chương trình sự nghiệp Sở quản lý tập trung và chi công tác phí đi chỉ đạo, kiểm tra các chương trình sự nghiệp Sở quản lý, chi công tác Hà Nội tham dự các cuộc họp do Bộ Nông nghiệp và PTNT triệu tập...
- Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.
Kinh phí thực hiện cấp bù miễn thủy lợi phí của tỉnh được giữ tập trung tại nguồn chưa phân bổ. Trên cơ sở kế hoạch danh mục chi tiết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được UBND tỉnh phê duyệt, Sở Tài chính sẽ trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí trực tiếp cho đơn vị thụ hưởng.



Phụ lục

**GIÁC ĐU TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG TỈNH ỦY

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 43 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

24

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	0
B)	Tổng chi (I+II)	107.920.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	107.920.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp (a+b) (1)	104.063.000
a)	Kinh phí quản lý hành chính	38.023.000
-	Chi con người	31.175.000
-	Chi công việc	6.848.000
b)	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	7.214.000
c)	KP hành chính đặc thù	58.826.000
II.	Ngân sách giữ lại 10% chi công việc tạo nguồn làm lương	3.857.000
III.	CHI TỪ SỐ THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	0

Ghi chú:

1. Tổng tiết kiệm ngân sách giữ lại: 3.857.000 ngàn đồng.
2. Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.
3. Kinh phí hành chính đặc thù đã bao gồm kinh phí cho nhiệm vụ phát sinh mới và phần công việc tăng trong năm 2020.
4. Yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GIÁC DỤ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: HỘI ĐỒNG Y TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

25

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	0
B)	Tổng chi ngân sách	383.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP	370.000
1.	Kinh phí giao tự chủ	322.574
-	Chi con người	205.000
-	Chi công việc	117.574
2.	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	47.426
II.	NGÂN SÁCH GIỮ LẠI 10% TIẾT KIỆM	13.000
III.	CHI TỪ SỐ THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	0

Ghi chú:

- Tổng số tiết kiệm 10% Ngân sách giữ lại là: 13.000 ngàn đồng.
- Yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GIÁO ĐUỔI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

26

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	0
B)	Tổng chi ngân sách	974.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP	951.000
1.	Kinh phí giao tự chủ	811.000
-	Chi con người	606.000
-	Chi công việc	205.000
2.	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	140.000
II.	NGÂN SÁCH GIỮ LẠI 10% TIẾT KIỆM	23.000
III.	CHI TỪ SỐ THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	0

Ghi chú:

1. Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại: 23.000 ngàn đồng
2. Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.
3. Yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GIÁC ĐỤ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: CỤC THỐNG KÊ

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

27

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	
B)	Tổng chi ngân sách	1.150.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP	1.092.000
	Chi hỗ trợ hoạt động sự nghiệp	1.092.000
II.	NGÂN SÁCH GIỮ 10% TIẾT KIỆM	58.000
III.	CHI TỪ SỐ THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	0

Ghi chú:

1. Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại: 58.000 ngàn đồng
2. Hỗ trợ hoạt động sự nghiệp thực hiện các chương trình hoạt động thống kê phục vụ yêu cầu quản lý của địa phương theo Quyết định số 2308/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành danh mục các cuộc điều tra năm 2020 và các hoạt động thống kê phục vụ yêu cầu quản lý của địa phương
3. Yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020.



Phụ lục

**GLIÁO DỤ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

CƠ QUAN: SỞ CÔNG THƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

28

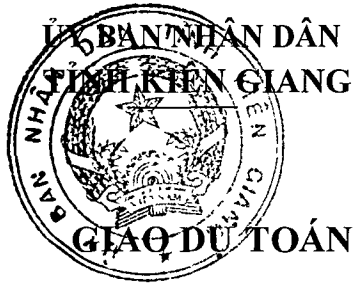
Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	380.000
	Phí, lệ phí	280.000
	Thu dịch vụ	100.000
B)	Tổng chi	13.885.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	13.505.000
1.	Ngân sách cấp (1)	13.038.000
1.1.	Kinh phí hoạt động quản lý nhà nước	6.658.000
a)	Kinh phí giao tự chủ	5.335.000
-	Chi con người	4.077.000
-	Chi công việc	1.258.000
b)	Kinh phí cải cách tiền lương	963.000
c)	Nguồn không tự chủ	360.000
	Kinh phí hành chính đặc thù	360.000
1.2.	Nguồn kinh phí sự nghiệp	6.380.000
a)	Nguồn kinh phí tự chủ	1.570.000
-	Chi cho con người	1.177.000
-	Chi cho công việc	393.000
b)	Kinh phí cải cách tiền lương	192.000
c)	Kinh phí không giao tự chủ	4.618.000
-	Kinh phí hoạt động sự nghiệp	4.618.000
+	Sự nghiệp kinh tế	4.238.000
+	Sự nghiệp môi trường	200.000
+	Chi khác ngân sách	180.000

STT	Nội dung	Kinh phí
	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	467.000
	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI	380.000

Ghi chú:

1. Ngân sách đã giữ lại 10% chi công việc, sự nghiệp để tạo nguồn cải cách tiền lương là: 467.000 ngàn đồng.
2. Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.
Kinh phí sự nghiệp không tự chủ bao gồm: kinh phí chi công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, kinh phí phát triển thương mại điện tử, kinh phí Ban Chỉ đạo 389, kinh phí thực hiện các chương trình khuyến công, kinh phí thực hiện mạng lưới công tác viên, ...
3. Năm 2020, đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.
4. Yêu cầu Sở Công thương phân bổ dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

GIẠO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH

ĐƠN VỊ: BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu:	153.000
1	Số thu đơn vị được để lại	151.000
-	Thu phí	1.000
-	Thu sự nghiệp, dịch vụ	150.000
2	Số thu đơn vị nộp ngân sách	2.000
B)	Tổng chi:	9.523.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	9.372.000
1.	Ngân sách cấp	9.105.000
1.1.	Kinh phí hoạt động quản lý nhà nước	4.034.000
a)	Kinh phí giao tự chủ	3.266.362
-	Chi con người	2.539.062
-	Chi công việc	727.300
b)	Kinh phí cải cách tiền lương	587.638
c)	Kinh phí không giao tự chủ	180.000
	Kinh phí hành chính đặc thù	180.000
1.2.	Nguồn kinh phí sự nghiệp	5.071.000
a)	Nguồn kinh phí tự chủ	1.566.000
	Chi cho con người	1.466.000
	Chi cho công việc	100.000
b)	Kinh phí cải cách tiền lương	329.000
c)	Nguồn kinh phí không tự chủ	3.176.000
	Kinh phí các hoạt động sự nghiệp	3.176.000
	- Sự nghiệp kinh tế	2.856.000
	- Sự nghiệp môi trường	320.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	267.000
II.	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	151.000
-	Thu phí	1.000
-	Thu sự nghiệp, dịch vụ	150.000



Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại tạo nguồn cải cách tiền lương là 267.000 ngàn đồng (trong đó: Quản lý hành chính là 81.000 ngàn đồng, kinh phí đặc thù là 20.000 ngàn đồng và hoạt động sự nghiệp là 166.000 ngàn đồng).

2. Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.
3. Năm 2020, đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.
4. Yêu cầu Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phân bổ dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

CƠ QUAN: BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ PHÚ QUỐC

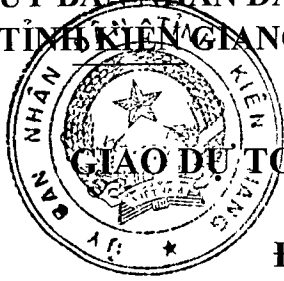
(Kèm theo Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu:	3.342.897
1.	Số thu đơn vị được để lại	3.116.184
-	Chi phí thẩm định các đề án quy hoạch, chi phí thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành vốn nhà nước	1.777.084
-	Phí, lệ phí	1.339.100
2.	Số thu đơn vị nộp ngân sách	226.713
B)	Tổng chi:	8.841.184
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	5.725.000
1.	Ngân sách cấp	5.519.000
a)	Kinh phí giao tự chủ	4.740.459
-	Chi con người	3.647.499
-	Chi công việc	1.092.960
b)	Kinh phí cải cách tiền lương	13.541
c)	Kinh phí không giao tự chủ	765.000
	Kinh phí hành chính đặc thù	765.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	206.000
II.	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	3.116.184
-	Chi phí thẩm định các đề án quy hoạch, chi phí thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành vốn nhà nước	1.777.084
-	Phí, lệ phí	1.339.100

Ghi chú:

- Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại tạo nguồn cải cách tiền lương là 206.000 ngàn đồng (trong đó: Quản lý hành chính là 121.000 ngàn đồng và kinh phí đặc thù là 85.000 ngàn đồng).
- Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.
- Năm 2020, đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.
- Yêu cầu Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc phân bổ dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GIÁO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ,
BAN, NGÀNH TỈNH
ĐƠN VỊ: VƯỜN QUỐC GIA U MINH THƯỢNG**

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

31

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	1.735.000
	Phí, lệ phí	35.000
	Thu dịch vụ	1.700.000
B)	Tổng chi (I + II)	11.508.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (1+2)	9.773.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp (1)	9.433.000
1.1.	Kinh phí hoạt động quản lý nhà nước	5.043.000
	Kinh phí giao tự chủ	5.022.000
-	Chi con người	3.758.000
-	Chi công việc	1.264.000
	Kinh phí cải cách tiền lương	21.000
1.2.	Các chương trình sự nghiệp	4.390.000
-	Sự nghiệp kinh tế	3.790.000
-	Sự nghiệp môi trường	360.000
-	Chi khác ngân sách	240.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	340.000
II.	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	1.735.000

Ghi chú:

1. Ngân sách đã giữ lại 10% chi công việc, sự nghiệp để tạo nguồn cải cách tiền lương là: 340.000 ngàn đồng.
2. Kinh phí sự nghiệp kinh tế bao gồm: kinh phí quản lý bảo vệ rừng và kinh phí phòng chống cháy rừng.
3. Năm 2020, đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.
4. Yêu cầu đơn vị phân bổ dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GIÁO ĐUỐI TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ,
BAN, NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: VƯỜN QUỐC GIA PHÚ QUỐC

(Kèm theo Quyết định số 2838/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

32

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	0
B)	Tổng chi (I + II)	19.516.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (1+2)	19.516.000
1.	Ngân sách cấp (1)	18.939.000
1.1.	Kinh phí hoạt động quản lý nhà nước	11.799.000
	Kinh phí giao tự chủ	9.978.000
-	Chi con người	7.867.000
-	Chi công việc	2.111.000
	Kinh phí cải cách tiền lương	1.821.000
1.2.	Các chương trình sự nghiệp	7.140.000
-	Sự nghiệp kinh tế	6.505.000
-	Sự nghiệp môi trường	385.000
-	Chi khác ngân sách	250.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	577.000
II.	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	0

Ghi chú:

1. Ngân sách đã giữ lại 10% chi công việc, sự nghiệp để tạo nguồn cải cách tiền lương là: 577.000 ngàn đồng.
2. Kinh phí sự nghiệp kinh tế bao gồm: kinh phí quản lý bảo vệ rừng và kinh phí phòng chống cháy rừng.
3. Yêu cầu đơn vị phân bổ dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GIÁO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

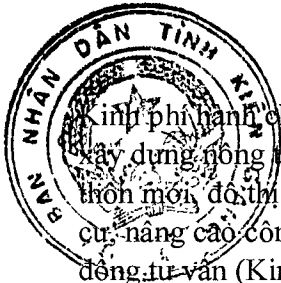
33

Đơn vị tính: Ngân đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
I.	TỔNG THU	0
II.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	10.500.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	9.804.000
a)	Kinh phí hoạt động quản lý nhà nước	9.132.000
-	Kinh phí giao tự chủ	3.732.000
+	Chi con người	2.529.873
+	Chi công việc	616.652
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	585.475
-	Kinh phí hành chính đặc thù	5.400.000
b)	Kinh phí sự nghiệp không giao tự chủ	672.000
-	Sự nghiệp môi trường	350.000
-	Sự nghiệp đào tạo	142.000
-	Sự nghiệp khác	180.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	696.000

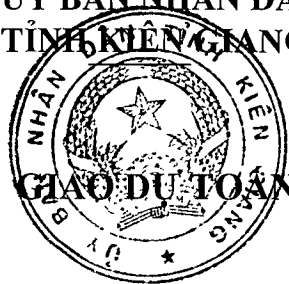
Ghi chú:

- Ngân sách đã giữ lại 10% tiết kiệm để tạo nguồn cải cách tiền lương là: 696.000 ngàn đồng (trong đó: Chi công việc là 68.000 ngàn đồng, đặc thù là 600.000 ngàn đồng, sự nghiệp đào tạo là 8.000 ngàn đồng, sự nghiệp khác là 20.000 ngàn đồng).
- Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.



kinh phí hành chính đặc thù trong đó ngân sách bố trí vốn đối ứng chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để thực hiện cuộc Vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và một số nhiệm vụ sau: Mua Báo Đại Đoàn kết cho Khu dân cư, nâng cao công tác tuyên truyền (hợp đồng Đài truyền hình, kênh VOV); kinh phí hội đồng tư vấn (Kinh tế xã hội); đối ngoại Nhân dân; kinh phí Chính trị phí khác; đón tiếp

3. thăm hỏi chúc mừng một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam cấp tỉnh thực hiện; kinh phí Giám sát, phản biện xã hội; tuyên truyền nắm bắt dư luận xã hội; phát hành Bản tin Công tác Mặt trận; hoạt động Ban vận động Quỹ vì người nghèo tỉnh Kiên Giang; Đề án 01- Cuộc vận động Đề án “Vận động toàn dân tham gia phòng chống, tố giác tội phạm năm 2019”; thực hiện phong trào thi đua “Đoàn kết sáng tạo nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, hội nhập quốc tế”,...
4. Yêu cầu đơn vị phân bổ dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

34

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
	Tổng dự toán chi ngân sách nhà nước	58.725.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP	55.864.000
1.	Kinh phí hoạt động nghiệp vụ	16.839.000
2.	Kinh phí hoạt động quy tập hài cốt liệt sĩ	1.425.000
3.	Chi huấn luyện dự bị động viên	11.210.000
4.	Kinh phí đối ngoại	1.500.000
5.	Chi thực hiện đề án phòng không	5.605.000
6.	Kinh phí đề án xây dựng lực lượng quân báo	2.470.000
7.	Kinh phí bảo vệ mục tiêu chương trình, kinh tế và xã hội	2.850.000
8.	Kinh phí đào tạo	12.350.000
9.	Kinh phí hoạt động cơ quan điều tra hình sự	190.000
10.	Kinh phí hoạt động đấu tranh "diễn biến hòa bình"	1.425.000
II.	NGÂN SÁCH GIỮ LẠI 10% TIẾT KIỆM	2.861.000

Ghi chú:

1. Ngân sách đã giữ lại 10% tiết kiệm để tạo nguồn cải cách tiền lương là: 2.861.000 ngàn đồng.
2. Yêu cầu Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phân bổ dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GIÁO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: BỘ CHỈ HUY BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

35

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
	Tổng dự toán chi ngân sách nhà nước	25.750.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP	24.487.000
1.	Kinh phí hoạt động thường xuyên	18.553.000
2.	Kinh phí đối ngoại	1.000.000
3.	Kinh phí đề án đảm bảo an ninh trật tự trên biển, đảo	1.776.500
4.	Kinh phí đề án tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật	570.000
5.	Kinh phí cụm vận hành thông tin đối ngoại	902.500
6.	Kinh phí đào tạo	950.000
7.	Kinh phí thực hiện đề án cấm biển báo khu vực biên giới	285.000
8.	Kinh phí chi thường xuyên khác	450.000
II.	NGÂN SÁCH GIỮ LẠI 10% TIẾT KIỆM	1.263.000

Ghi chú:

1. Ngân sách đã giữ lại 10% tiết kiệm để tạo nguồn cải cách tiền lương là: 1.263.000 ngàn đồng.
2. Yêu cầu Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh phân bổ dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GIÁO ĐUỐI TÀI THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH
ĐƠN VỊ: CÔNG AN TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

36

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
	Tổng dự toán chi ngân sách nhà nước	30.390.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP	28.968.000
1.	Kinh phí thường xuyên	17.100.000
2.	Kinh phí đối ngoại	1.500.000
3.	Kinh phí đào tạo	3.800.000
4.	Kinh phí môi trường	450.000
5.	Kinh phí thực hiện đề án công an xã	2.850.000
6.	Kinh phí thực hiện đề án điện tử hóa tàng thư căn cước	3.268.000
II.	NGÂN SÁCH GIỮ LẠI 10% TIẾT KIỆM	1.422.000

Ghi chú:

1. Ngân sách đã giữ lại 10% tiết kiệm để tạo nguồn cải cách tiền lương là: 1.422.000 ngàn đồng.
2. Yêu cầu Công an tỉnh phân bổ dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục
GIÁC ĐUỘ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

37

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu từ các nguồn được để lại	16.807.000
-	Thu học phí	13.367.000
-	Thu hoạt động dịch vụ đào tạo	3.275.000
-	Thu khác (ký túc xá)	165.000
B)	Tổng chi (I+II)	41.665.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (1+2)	24.858.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	24.658.000
-	Kinh phí giao tự chủ	20.858.000
	Chi con người	20.858.000
-	Kinh phí đào tạo không giao tự chủ	3.800.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	200.000
II.	CHI TỪ SỐ THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	16.807.000
-	Thu học phí	13.367.000
-	Thu hoạt động dịch vụ đào tạo	3.275.000
-	Thu khác (ký túc xá)	165.000

Ghi chú:

1. Ngân sách đã giữ lại 10% tiết kiệm chi công việc để tạo nguồn tăng lương với số tiền là 200.000 ngàn đồng.
2. Năm 2020, đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.
3. Yêu cầu đơn vị phân bổ dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục
**GAO DỤ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ,
BAN, NGÀNH TỈNH**
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

38

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu từ các nguồn được để lại	9.452.000
-	Thu học phí	6.162.000
-	Thu hoạt động dịch vụ	3.200.000
-	Thu khác (ký túc xá)	90.000
B)	Tổng chi (I+II)	15.787.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (1+2)	6.335.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	6.278.000
	Kinh phí giao tự chủ	6.278.000
-	Chi con người	5.769.000
-	Chi công việc	509.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	57.000
II.	CHI TỪ SỐ THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	9.452.000
-	Thu học phí	6.162.000
-	Thu hoạt động dịch vụ	3.200.000
-	Thu khác (ký túc xá)	90.000

Ghi chú:

1. Ngân sách đã giữ lại 10% tiết kiệm chi công việc để tạo nguồn tăng lương với số tiền là 57.000 ngàn đồng.
2. Năm 2020, đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.
3. Yêu cầu đơn vị phân bổ dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GAO ĐU TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

39

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu từ các nguồn được để lại	20.819.000
-	Thu học phí	5.520.000
-	Thu hoạt động dịch vụ	15.134.000
-	Thu khác (ký túc xá)	165.000
B)	Tổng chi (I+II)	39.440.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (1+2)	18.621.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	18.021.000
-	Kinh phí giao tự chủ	6.621.000
	Chi con người	6.621.000
-	Kinh phí đào tạo không giao tự chủ	11.400.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	600.000
II.	CHI TỪ SỐ THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	20.819.000
-	Thu học phí	5.520.000
-	Thu hoạt động dịch vụ	15.134.000
-	Thu khác (ký túc xá)	165.000

Ghi chú:

1. Ngân sách đã giữ lại 10% tiết kiệm để tạo nguồn cải cách tiền lương là 600.000 ngàn đồng
2. Năm 2020, đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.
Kinh phí không giao tự chủ 11.400.000 ngàn đồng bao gồm kinh phí đào tạo nghe theo chỉ tiêu
3. đào tạo được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và những nội dung khác phục vụ cho công tác đào tạo
4. Yêu cầu đơn vị phân bổ dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GIÁO ĐU TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ,
BAN, NGÀNH TỈNH
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

40

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu từ các nguồn được để lại	1.475.000
-	Thu hoạt động dịch vụ	205.000
-	Thu khác (Chi phí quản lý các lớp tuyển trên)	1.270.000
B)	Tổng chi (I+II)	38.256.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (1+2)	36.781.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	35.176.000
-	Kinh phí giao tự chủ	6.676.000
+	Chi con người	4.768.000
+	Chi công việc	945.000
-	Kinh phí đào tạo không giao tự chủ	28.500.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	1.605.000
II.	CHI TỪ SỐ THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	1.475.000
-	Thu hoạt động dịch vụ	205.000
-	Thu khác (Chi phí quản lý các lớp tuyển trên)	1.270.000

Ghi chú:

1. Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại là 1.605.000 ngàn đồng (trong đó: Chi công việc là 105.000 ngàn đồng, kinh phí đào tạo là 1.500.000 ngàn đồng).
2. Năm 2020, đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.
3. Kinh phí không giao tự chủ 28.500.000 ngàn đồng bố trí đào tạo theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và các nội dung khác phục vụ cho công tác đào tạo.
4. Yêu cầu đơn vị phân bổ dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GIÁO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ,
BAN, NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

41

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu từ các nguồn được để lại	1.600.000
-	Thu hoạt động dịch vụ	600.000
-	Thu khác	1.000.000
B)	Tổng chi (I+II)	17.667.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (1+2)	16.067.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	15.805.000
-	Kinh phí giao tự chủ	12.507.000
+	Chi con người	10.819.000
+	Chi công việc	1.688.000
-	Kinh phí cải cách tiền lương	1.873.000
-	Kinh phí không giao tự chủ	1.425.000
+	Học bổng trợ cấp sinh viên, học sinh	342.000
+	Chi chuyên môn nghiệp vụ	1.083.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	262.000
II.	CHI TỪ SỐ THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	1.600.000
-	Thu hoạt động dịch vụ	600.000
-	Thu khác	1.000.000

Ghi chú :

1. Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại là 262.000 ngàn đồng (trong đó: Chi công việc là 187.000 ngàn đồng, kinh phí đào tạo là 75.000 ngàn đồng).
2. Năm 2020, đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.
3. Yêu cầu đơn vị phân bổ dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GIÁO DỤC TOÀN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**


CƠ QUAN: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

42

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A	Tổng thu từ các nguồn được để lại	54.459.000
-	Thu học phí, lệ phí	39.259.000
-	Thu hoạt động dịch vụ	12.000.000
-	Thu khác (ký túc xá)	3.200.000
	<i>Trong đó 40% nguồn cải cách tiền lương</i>	<i>30.000.000</i>
B	Tổng chi (I+II)	622.399.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (1+2)	567.940.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	558.135.000
a)	Chi quản lý hành chính	9.289.000
-	Kinh phí giao tự chủ	7.832.000
+	Chi con người	6.295.000
+	Chi công việc	1.537.000
-	Kinh phí cải cách tiền lương	1.457.000
b)	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	548.846.000
-	Kinh phí giao tự chủ	423.534.000
+	Chi con người	353.664.000
+	Chi công việc	69.870.000
-	Kinh phí cải cách tiền lương	51.840.000
-	Kinh phí không giao tự chủ	73.472.000
+	Kinh phí thực hiện chính sách học bổng theo Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ	28.607.000
+	Kinh phí học bổng học sinh trường chuyên	1.512.000
+	Kinh phí chi đào tạo	7.600.000
+	Chi chương trình sự nghiệp	25.985.000
+	Kinh phí thực hiện một số chương trình mục tiêu	9.768.000



STT	Nội dung	Kinh phí
2	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	9.805.000
II. CHỈ TỤ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI		54.459.000
-	Thu học phí, lệ phí	39.259.000
-	Thu hoạt động dịch vụ	12.000.000
-	Thu khác (ký túc xá)	3.200.000
	<i>Trong đó 40% nguồn cải cách tiền lương</i>	<i>30.000.000</i>

Ghi chú:

- Tổng số ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm để tạo nguồn cải cách tiền lương với tổng số tiền là 9.805.000 ngàn đồng (gồm có: Chi quản lý hành chính là 171.000 ngàn đồng, đào tạo 400.000 ngàn đồng và sự nghiệp giáo dục là 9.234.000 ngàn đồng).
- Đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định của Chính phủ.
- Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.
Kinh phí thực hiện một số chương trình mục tiêu gồm: thực hiện hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí và học bổng cho học sinh; hỗ trợ học sinh, trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn; thực hiện chính sách đối với đối tượng công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- Trên cơ sở dự toán được giao Thủ trưởng đơn vị căn cứ điều kiện cụ thể xây dựng phương án phân bổ cho từng đơn vị trực thuộc, đảm bảo phù hợp với thực tế, khả năng nguồn kinh phí để hoàn thành nhiệm vụ và làm cơ sở để xác định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho từng đơn vị.
- Yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GAO ĐU TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: BAN DÂN TỘC TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

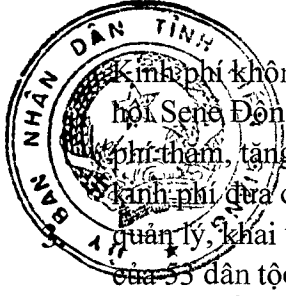
43

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
I.	TỔNG THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	0
II.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	4.913.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	4.749.000
a)	Kinh phí quản lý hành chính	3.059.000
-	Kinh phí hành chính giao tự chủ	2.123.000
+	Chi con người	1.653.000
+	Chi công việc	470.000
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	382.000
-	Chi hành chính đặc thù không giao tự chủ	554.000
b)	Kinh phí sự nghiệp không giao tự chủ	1.690.000
-	Chi sự nghiệp khác	450.000
-	Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.	1.240.000
2	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	164.000

Ghi chú:

- Tổng số tiết kiệm ngân sách giữ lại là 164.000 ngàn đồng (trong đó: Quản lý hành chính là 52.000 ngàn đồng, đặc thù là 62.000 ngàn đồng và sự nghiệp là 50.000 ngàn đồng).
- Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.



Kinh phí không giao tự chủ bao gồm các nội dung như sau: Thực hiện hoạt động các ngày lễ hội Serie Đôn Ta, Osk Om Bóc, Tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây và tổ chức họp mặt; kinh phí tham, tặng quà, chúc mừng, chúc tết các ngày lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc; kinh phí đưa đoàn đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số; Kinh phí tiếp nhận, quản lý, khai thác và sử dụng kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 55 dân tộc thiểu số; kinh phí hoạt động cho đại biểu HĐND và thanh tra; kinh phí thực hiện Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

3. Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.
4. Yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

**GIÁO DỤ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: LIÊN HIỆP CÁC TỔ CHỨC HỮU NGHỊ TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 888 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

44

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
I.	Tổng thu	0
II.	Tổng chi ngân sách	3.519.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	3.345.000
a)	Kinh phí quản lý hành chính	1.930.000
-	Kinh phí giao tự chủ	1.268.136
+	Chi con người	915.556
+	Chi công việc	352.580
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	211.864
-	Kinh phí hành chính đặc thù không giao tự chủ	450.000
b)	Kinh phí sự nghiệp không giao tự chủ	1.415.000
-	Chi hoạt động kinh tế	1.235.000
-	Chi thường xuyên khác	180.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	174.000

Ghi chú:

1. Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại: 174.000 ngàn đồng (trong đó: Chi công việc là 39.000 ngàn đồng và sự nghiệp là 135.000 ngàn đồng).
2. Kinh phí sự nghiệp: Thực hiện nhiệm vụ đối ngoại; vận động tài trợ; hội nghị tổng kết và sơ kết tại Hà Nội;...
3. Yêu cầu đơn vị có kế hoạch phân bổ chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

CƠ QUAN: VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

45

Đơn vị tính: Ngân đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
I.	TỔNG THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	
II.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (1+2)	13.710.000
1.	Kinh phí quản lý hành chính	12.743.000
-	Kinh phí hành chính giao tự chủ	4.064.000
+	Chi con người	3.282.000
+	Chi công việc	782.000
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	759.000
-	Kinh phí hành chính đặc thù không giao tự chủ	7.920.000
2	Ngân sách giữ tiết kiệm tạo nguồn tăng lương	967.000

Ghi chú:

- Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại tạo nguồn làm lương là 967.000 ngàn đồng (gồm có: Quản lý hành chính là 87.000 ngàn đồng, đặc thù: 880.000 ngàn đồng).
- Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.

Kinh phí hành chính đặc thù bao gồm thực hiện các nhiệm vụ hoạt động của HĐND tỉnh theo Nghị quyết số 39/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 và Nghị quyết số 79/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 của HĐND tỉnh; tham dự các cuộc tập huấn, hội họp ở Trung ương và các tỉnh; hội nghị bất thường và hội nghị giao ban; công tác kiểm tra, giám sát,...
-
- Yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



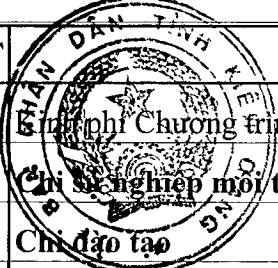
Phụ lục
GIÁO ĐU TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ,
BAN, NGÀNH TỈNH
CƠ QUAN: SỞ Y TẾ

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

46

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A	Tổng thu	993.309.830
1.	Thu phí, viện phí để lại	956.649.830
2.	Thu dịch vụ	36.660.000
B	Tổng chi (I+II)	1.143.485.830
I	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP (1+2+3+4)	150.176.000
1.	Kinh phí quản lý hành chính	7.904.000
a)	Kinh phí hành chính giao tự chủ	7.656.500
-	Chi con người	5.951.500
-	Chi công việc	1.705.000
b)	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	22.500
c)	Kinh phí không giao tự chủ	225.000
	Kinh phí đặc thù	225.000
2.	Kinh phí sự nghiệp	129.006.000
2.1	Kinh phí quản lý hành chính	90.203.000
a)	Kinh phí giao tự chủ	84.999.000
-	Chi con người khối điều trị (Bệnh viện Lao; Tâm thần; Bệnh viện Đa khoa)	53.294.000
-	Chi con người khối phòng bệnh	23.284.000
-	Chi công việc khối điều trị (Bệnh viện Lao; Tâm thần)	2.528.500
-	Chi công việc khối phòng bệnh	5.892.500
b)	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	5.204.000
2.2	Kinh phí không giao tự chủ thực hiện các Chương trình chính sách sự nghiệp y tế	38.803.000
-	Kinh phí thực hiện các Chương trình chính sách sự nghiệp y tế	32.203.000



STT	Nội dung	Kinh phí
-	Kinh phí Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số	6.600.000
3	Chi sự nghiệp môi trường	2.000.000
4	Chi đạo tạo	8.075.000
5	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	3.191.000
II	CHI TỪ SỐ THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	993.309.830
1.	Thu phí, viện phí để lại	956.649.830
2.	Thu dịch vụ	36.660.000

Ghi chú:

- Tổng số tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại là 3.191.000 ngàn đồng.
- Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.
 Năm 2020, đơn vị có nguồn thu tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định, cụ thể như sau: Đối với số thu phí: 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên số thu được để lại theo chế độ; đối với số thu hoạt động dịch vụ và các khoản khác: 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên toàn bộ số thu từ các hoạt động trên sau khi loại trừ các chi phí liên quan và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác theo quy định; đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của các cơ sở y tế công lập: 35% số thu để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên số thu sau khi trừ các khoản chi phí đã được kết cấu trong giá dịch vụ, gồm chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao trực tiếp phục vụ cho người bệnh; chi phí điện, nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường; chi phí duy tu, bảo dưỡng thiết bị, mua thay thế công cụ, dụng cụ và chi phí tiền lương, phụ cấp.
- Kinh phí sự nghiệp không tự chủ giao tập trung tại Văn phòng Sở Y tế thực hiện các nhiệm vụ: Chi hội nghị, kiểm tra, giám sát, chỉ đạo công tác chống dịch,...
- Kinh phí sự nghiệp không giao tự chủ thực hiện các chương trình chính sách sự nghiệp y tế đã bao gồm kinh phí Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số 6.600 triệu đồng
- Yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH
ĐƠN VỊ: HỘI NÔNG DÂN TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

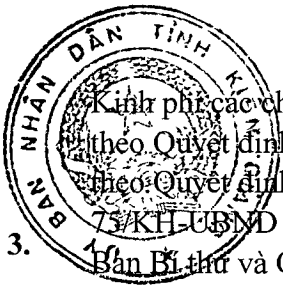
47

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	0
B)	Tổng chi	6.989.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	6.989.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp:	6.745.000
a)	Kinh phí quản lý hành chính:	3.557.000
-	Kinh phí giao tự chủ:	3.467.000
+	Chi con người	2.362.802
+	Chi công việc	557.503
+	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	546.695
-	Kinh phí hành chính đặc thù:	90.000
b)	Kinh phí sự nghiệp không giao tự chủ:	3.188.000
-	Chi các chương trình sự nghiệp	2.698.000
-	Chi thường xuyên khác	180.000
-	Chi sự nghiệp đào tạo	190.000
-	Chi sự nghiệp môi trường	120.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	244.000
II.	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	0

Ghi chú:

- Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại tạo nguồn cải cách tiền lương là 244.000 ngàn đồng (trong đó: Quản lý hành chính là 62.000 ngàn đồng, đặc thù là 10.000 ngàn đồng và sự nghiệp là 172.000 ngàn đồng).
- Kinh phí quản lý hành chính đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.



- Kinh phí các chương trình sự nghiệp: Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội theo Quyết định số 217-QĐ/BCT ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị; các hoạt động thực hiện theo Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 19/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện Kết luận 61-KL/TW của Ban Bí thư và QĐ 673/QĐ-TTg của TTg (Tổng kết 10 năm Hội Nông dân và Quỹ HTND, công tác của BCĐ); tổ chức, tham gia hội nghị " Nông dân điển hình tiên tiến"; tổ chức Hội thi cán bộ Hội giỏi và tham gia xây dựng NTM năm 2020; thực hiện tuyên truyền đưa tin các hoạt động của Hội năm 2020; tập huấn triển khai Nghị quyết Hội;...
- 3.
 4. Yêu cầu Hội Nông dân tỉnh phân bổ dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GIAO ĐUỔI TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

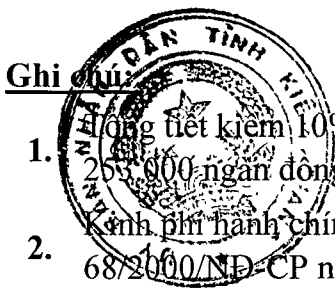
ĐƠN VỊ: HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

48

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	0
B)	Tổng chi	6.507.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (1+2)	6.507.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	6.207.000
a)	Chi hành chính thường xuyên	5.214.000
-	Kinh phí giao tự chủ	2.997.845
+	Chi con người	2.381.556
+	Chi công việc	616.289
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	551.155
-	Kinh phí hành chính đặc thù	1.665.000
b)	Kinh phí sự nghiệp không giao tự chủ	993.000
-	Sự nghiệp môi trường	500.000
-	Sự nghiệp khác	360.000
-	Sự nghiệp đào tạo	133.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	300.000
II.	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	0



Ghi chú:

1. Kinh phí tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại: 300.000 ngàn đồng (trong đó quản lý hành chính 253.000 ngàn đồng, kinh phí đào tạo 7.000 ngàn đồng)
2. Kinh phí hành chính giao tự chủ bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.

3. Kinh phí sự nghiệp môi trường: Tổ chức 15 cuộc lễ phát động hạn chế sử dụng túi ni lon, chất thải nhựa 1 lần và cấm bán công trình; hỗ trợ mua bình lọc nước đảm bảo vệ sinh hộ gia đình phụ nữ nghèo, cận nghèo; tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng truyền thông, tư vấn cho ban chủ nhiệm câu lạc bộ hạn chế sử dụng chất thải nhựa và hướng dẫn phân loại rác tại hộ gia đình tại 15 huyện, thành phố.

4. Kinh phí sự nghiệp khác: Tổ chức tập huấn kỹ năng tuyên truyền vận động phụ nữ tham gia xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc; tổ chức tập huấn cho 160 cán bộ cơ sở về kiến thức, kỹ năng tuyên truyền phụ nữ phát triển toàn diện; phối hợp với cảnh sát biển tổ chức tập huấn cho 200 cán bộ;...

- Kinh phí hành chính đặc thù: Kinh phí đề án “Hỗ trợ Phụ nữ khởi nghiệp” (đề án 939); kinh phí tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ (đề án 938); kinh phí đề án “Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tự thực ở khu vực khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020 (đề án 404); tập huấn nâng cao năng lực cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện; chương trình đồng hành cùng phụ nữ biên cương; hội thảo về 90 năm hình thành và phát triển của tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; hợp đồng với Báo Kiên Giang; hợp đồng với Đài phát thanh truyền hình Kiên Giang; đặt và phát hành Báo Xuân Kiên Giang năm 2020; xuất bản Thông tin 8/3, xuất bản Thông tin 20/10; xuất bản 04 số bản tin sinh hoạt phụ nữ; chi trả nhuận bút thông tin 8/3, 20/10, bản tin sinh hoạt phụ nữ; chi trả nhuận bút, thù lao Ban Biên tập trang thông tin điện tử; tổ chức hoạt động 8/3; tổ chức hoạt động 20/10; tổ chức đưa các cô, các chị nguyên ủy viên, ban chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam dự họp mặt 20/10; xây dựng phóng sự kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; tổ chức cuộc thi viết tìm hiểu lịch sử phụ nữ Kiên Giang qua 90 năm xây dựng và trưởng thành; tuyên truyền chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI; thăm, chúc tết các đơn vị bộ đội tuyến biên giới, hải đảo; kinh phí phục vụ Đại hội thi đua yêu nước; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực tư vấn, giải quyết các vấn đề xã hội, kỹ năng phòng chống xâm hại trẻ em; tổ chức tập huấn chuyên đề về vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thực hiện nội dung các luật có liên quan đến phụ nữ và trẻ em cho cán bộ Hội cấp huyện và cơ sở; tổ chức hội nghị điển hình tiên tiến Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh lần thứ V; tham dự Đại hội thi đua yêu nước lần thứ IV của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; tổ chức hội nghị triển khai nội dung thi đua cụm huyện năm 2020; tham gia chỉ đạo Đại hội Đảng; tham gia giao lưu chi hội trưởng giỏi theo cụm thi đua; giám sát thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư BCH Trung ương;...
5. Yêu cầu đơn vị có kế hoạch phân bổ chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.
 - 6.



Phụ lục

**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

49

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	0
B)	Tổng chi	3.124.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (1+2)	3.124.000
1.	Tổng chi ngân sách cấp	2.992.000
a)	Chi hành chính thường xuyên	1.947.000
-	Kinh phí giao tự chủ	1.486.565
+	Chi con người	1.017.416
+	Chi công việc	469.149
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	235.435
-	Kinh phí hành chính đặc thù (1)	225.000
b)	Kinh phí sự nghiệp không giao tự chủ	1.045.000
-	Kinh phí hoạt động kinh tế	855.000
-	Kinh phí đào tạo	190.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	132.000
II.	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	0

Ghi chú:

- Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại: 132.000 ngàn đồng (trong đó: Chi công việc là 52.000 ngàn đồng và sự nghiệp là 80.000 ngàn đồng).
Kinh phí hành chính đặc thù bao gồm: Hợp tác xã ký hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm; dự
- hợp Ban chấp hành tại Hà Nội; giám sát cơ sở; khen thưởng cho khối hợp tác xã; tiếp xúc cử tri;...
- Kinh phí sự nghiệp không giao tự chủ bao gồm: Thực hiện công tác tư vấn tuyên truyền hợp tác xã, hỗ trợ thành lập mới tổ hợp tác, hợp tác xã, nghiên cứu, khảo sát trong và ngoài tỉnh,...
- Yêu cầu đơn vị phân bổ dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GIÁO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: HỘI CỰU CHIẾN BINH TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

50

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
	Tổng chi ngân sách	2.926.000
I.	NGÂN SÁCH CẤP	2.839.000
1.	Kinh phí quản lý hành chính nhà nước:	2.481.000
-	Kinh phí giao tự chủ	1.801.396
+	Chi con người	1.420.039
+	Chi công việc	381.357
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	328.604
-	Kinh phí hành chính đặc thù	351.000
2.	Kinh phí không giao tự chủ	358.000
-	Kinh phí môi trường	244.000
-	Kinh phí đào tạo	114.000
II.	NGÂN SÁCH GIỮ LẠI 10% TIẾT KIỆM	87.000

Ghi chú:

- Tổng số tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại là: 87.000 ngàn đồng (trong đó Chi cho công việc: 43.000 ngàn đồng; chi cho hành chính đặc thù: 44.000 ngàn đồng..)
- Chi con người của kinh phí quản lý hành chính bao gồm kinh phí hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.
- Kinh phí hành chính đặc thù gồm các nội dung chi:
 - Kinh phí tiếp các đoàn Hội Cựu chiến binh các tỉnh về thăm chiến trường xưa; Hội Cựu chiến binh tỉnh Kiên Giang đi thăm mô hình Cựu Chiến binh đi thăm mô hình Cựu Chiến binh sản xuất, kinh doanh giỏi.
 - Phối hợp Đài truyền hình, Báo Kiên Giang tỉnh tuyên truyền Cựu Chiến binh tham gia giữ gìn an ninh trật tự xóm ấp, tuần tra bảo vệ đường biên giới;
 - Lễ ra mắt Câu lạc bộ Cựu chiến binh làm ăn giỏi trực thuộc tỉnh;...
- Kinh phí môi trường: Hội nghị tuyên truyền cho hội viên Cựu Chiến binh về bảo vệ tài nguyên môi trường, biến đổi khí hậu, thành lập 40 Câu lạc bộ bảo vệ môi trường tại 15 Huyện, thành phố;...
- Yêu cầu đơn vị phân bổ dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: HỘI KHUYẾN HỌC TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

51

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
I.	TỔNG THU	
II.	TỔNG CHI	325.000
	Tổng chi hành chính ngân sách cấp	325.000
1.	Kinh phí không giao tự chủ	325.000
-	Chi con người	237.000
-	Chi công việc	88.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	

Ghi chú:

Yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020 ./.



Phụ lục

**GIÁO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH
ĐƠN VỊ: HỘI NHÀ BÁO TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

52

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	
B)	Tổng chi ngân sách	1.083.000
I.	NGÂN SÁCH CẤP	1.028.000
	Kinh phí quản lý hành chính nhà nước:	1.028.000
a)	Kinh phí giao tự chủ	567.000
-	Chi con người	341.195
-	Chi công việc	146.851
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	78.954
b)	Kinh phí không giao tự chủ	461.000
-	Chi hành chính đặc thù	351.000
-	Kinh phí chương trình mục tiêu	110.000
II.	NGÂN SÁCH GIỮ LẠI 10% TIẾT KIỆM	55.000

Ghi chú:

1. Tổng số tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại là: 55.000 ngàn đồng.

2. Kinh phí hành chính đặc thù để thực hiện các nhiệm vụ: Hội nghị 21/6; chi mua, in ấn, photo tài liệu chi dùng cho chuyên môn 5 kì đặc san; chi bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí; chi trả nhuận bút theo chế độ đặc san; chi giải báo chí hàng năm; kinh phí bổ sung mục tiêu chi giải chất lượng cao Trung ương;...

3. Yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020 ./.



Phụ lục

**GIÁO ĐU TOÀN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: HỘI VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 288 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

53

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	
B)	Tổng chi	3.302.000
I.	NGÂN SÁCH CẤP:	3.098.000
1.	Kinh phí quản lý hành chính nhà nước:	2.548.000
-	Kinh phí giao tự chủ	839.874
+	Chi con người	575.292
+	Chi công việc	264.582
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	133.126
-	Chi hành chính đặc thù	1.575.000
2	Kinh phí chương trình mục tiêu	550.000
II.	NGÂN SÁCH GIỮ LẠI 10% TIẾT KIỆM	204.000

Ghi chú:

1. Tổng số tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại là: 204.000 ngàn đồng.

Kinh phí hành chính đặc thù bao gồm các nhiệm vụ: Tổng kết hoạt động VHNT 2019; tổ chức lớp học tập chính trị; tổ chức các hoạt động "Mừng Đảng - Mừng Xuân"; đoàn dự lễ hội Tao Đàn Chiêu Anh Các tại TX Hà Tiên; tổ chức Ngày Thơ Việt Nam (Rằm tháng Giêng); tổ chức hoạt động kỷ niệm ngày 30/04, 02/9; vận chuyển tranh của phân hội Mỹ Thuật dự Liên hoan khu vực ĐBSCL và tổ chức cho các tác giả có triển lãm đi dự Liên hoan khu vực VIII; kinh phí cho phân hội Nhiếp ảnh đi dự Liên hoan ảnh khu vực ĐBSCL; tổ chức cuộc thi sáng tác văn học, ca khúc và ca cổ, ảnh nghệ thuật truyền thống Kiên Giang; cuộc thi ảnh thời sự; 2. tổ chức cuộc thi ca khúc ĐBSCL; chương trình giới thiệu tác giả- tác phẩm; xuất bản tạp chí Chiêu Anh Các: 6 số/năm; đóng góp các cuộc thi liên kết khu vực ĐBSCL; liên kết phối hợp Đài phát thanh và truyền hình Kiên Giang thực hiện tạp chí truyền hình; kinh phí dự Đại hội 04 Chi hội (Dân gian, Nhạc sĩ, Múa, Điện ảnh) và Đại hội Liên hiệp Các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam tại Hà Nội; Đại hội khu vực phía Nam; trại sáng tác văn học nghệ thuật trẻ tại tỉnh Kiên Giang; trại sáng tác văn học nghệ thuật tại huyện trong tỉnh Kiên Giang; trại sáng tác tại Nhà sáng tác phối hợp Trung tâm Quỹ hỗ trợ văn học nghệ thuật; Quỹ hỗ trợ hoạt động sáng tạo văn học năm 2020 của Trung ương;...



Do tính chất đặc thù của hoạt động hội có những nội dung chi chưa có định mức chi cụ thể, do đó căn cứ vào dự toán được giao Hội Văn học Nghệ thuật xây dựng dự toán chi tiết theo các nội dung công việc gửi Sở Tài chính thẩm tra chi tiết trước khi thực hiện và cũng làm cơ sở để thực hiện kiểm soát chi.

4. Yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.

Phụ lục

**LIÊN DU TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: HỘI NGƯỜI CAO TUỔI TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

54

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
A)	Tổng thu	
B)	Tổng chi ngân sách	1.472.000
I.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP	1.359.000
1.	Kinh phí quản lý hành chính	1.309.000
-	Kinh phí giao tự chủ	354.207
+	Chi con người	236.784
+	Chi công việc	117.423
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	54.793
-	Chi hành chính đặc thù	900.000
2.	Kinh phí sự nghiệp không giao tự chủ	50.000
	Chi sự nghiệp môi trường	50.000
II.	NGÂN SÁCH GIỮ LẠI 10% TIẾT KIỆM	113.000



Tổng số tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại là: 113.000 ngàn đồng. Trong đó chi công việc: 11.000 ngàn đồng; chi hành chính đặc thù: 100.000 ngàn đồng.

Kinh phí hành chính đặc thù để thực hiện các nhiệm vụ: Đặt báo Người Cao tuổi cho các chi hội, ấp, khu phố; tổ chức kỷ niệm 25 năm thành lập Hội kết hợp tổ chức hội nghị biểu dương cán bộ hội tiêu biểu toàn quốc 200 đại biểu; tổ chức tập huấn cho cán bộ Hội; chỉ Đề án, chỉ đạo, tuyên truyền sơ kết, tổng kết, tổ chức tập huấn cho các địa phương, hỗ trợ kỹ thuật, xây dựng tài liệu hướng dẫn về CLB Liên thế hệ tự giúp nhau; giám sát, tham quan, học tập nhân rộng mô hình CLB Liên thế hệ tự giúp nhau; hội nghị sơ kết chuyên đề 3 cụm thi đua trong tỉnh; hội nghị tổng kết 3 cụm thi đua trong tỉnh; hội nghị mắt sáng

2. cho người cao tuổi; tổ chức hội nghị nhân tháng hành động vì Người Cao tuổi Việt Nam; tổ chức hội nghị tổng kết 7 tỉnh Nam sông Hậu do tỉnh Kiên Giang làm Cụm Trưởng; chỉ đi thăm hỏi các cụ tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam; Hội thao truyền thống Người Cao tuổi; tổ chức đi học hỏi kinh nghiệm cho 15 huyện thành phố về xây dựng quỹ chăm sóc cho người cao tuổi theo chương trình quốc gia; tổ chức Hội thi tiếng hát người cao tuổi; Chỉ đạo và dự hội thao người cao tuổi; họp tổng kết các Cụm trong tỉnh; hội nghị tập huấn tại TW Hội; hội nghị BCH TW Hội, Kiểm tra, giám sát thực hiện các chính sách liên quan đến người cao tuổi ở các huyện trong địa bàn tỉnh....
3. Yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020 ./.



Phụ lục

**LIÊN LƯU TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH
ĐƠN VỊ: HỘI LUẬT GIA TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

55

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
I.	TỔNG THU	
II.	TỔNG CHI	1.111.000
1.	Tổng chi hành chính ngân sách cấp	1.028.000
-	Kinh phí giao tự chủ	345.249
+	Chi con người	227.962
+	Chi công việc	117.287
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	52.751
-	Chi hành chính đặc thù	270.000
-	Kinh phí không giao tự chủ	360.000
	Chi thường xuyên khác:	360.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	83.000

Ghi chú:

1. Tổng số tiết kiệm 10% Ngân sách giữ lại là: 83.000 ngàn đồng.
2. Chi hành chính đặc thù: Hợp Ban Chấp hành và sơ kết tại Hà Nội,...
3. Kinh phí không giao tự chủ bao gồm: Kinh phí đề án tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật giai đoạn 2018-2021.
4. Yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020./.



Phụ lục

**GAO DU TOAN THU, CHI NGAN SACH NAM 2020 DOI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

56

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
I.	TỔNG THU	
II.	TỔNG CHI	1.607.000
1.	Tổng chi hành chính ngân sách cấp	1.577.000
-	Kinh phí giao tự chủ	507.503
+	Chi con người	360.822
+	Chi công việc	146.681
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	83.497
-	Chi hành chính đặc thù	36.000
-	Kinh phí giao không tự chủ	950.000
+	Kinh phí sự nghiệp khoa học	760.000
+	Kinh phí sự nghiệp đào tạo	190.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	30.000

Ghi chú:

1. Tổng số tiết kiệm ngân sách giữ lại 10% là 30.000 ngàn đồng (trong đó tiết kiệm chi công việc và đặc thù là: 20.000 ngàn đồng; sự nghiệp đào tạo 10.000 ngàn đồng).
2. Kinh phí hành chính đặc thù: Đi dự hội nghị sơ kết và tổng kết tại Hà Nội và các tỉnh
3. Kinh phí sự nghiệp khoa học để thực hiện các nhiệm vụ: Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật; tổ chức các cuộc hội thảo khoa học; bản tin khoa học công nghệ;...
4. Kinh phí sự nghiệp đào tạo để thực hiện các lớp đào tạo, tập huấn... theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.



Phụ lục
**GIÁO ĐU TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH
ĐƠN VỊ: HỘI CHỮ THẬP ĐỎ TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

57

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
I.	TỔNG THU	
II.	TỔNG CHI	3.163.000
1.	Tổng chi hành chính ngân sách cấp	3.023.000
a)	Kinh phí giao tự chủ	1.919.952
-	Chi con người	1.392.107
-	Chi công việc	527.845
b)	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	314.048
c)	Kinh phí giao không tự chủ	789.000
	Kinh phí hành chính đặc thù không giao tự chủ	675.000
	Kinh phí đào tạo	114.000
2.	Ngân sách giữ lại thêm 10% tiết kiệm	140.000

Ghi chú:

- Tổng tiết kiệm ngân sách giữ lại là: 140.000 ngàn đồng. Trong đó chi cho công việc: 59.000 ngàn đồng; Chi cho hành chính đặc thù: 81.000 ngàn đồng.
- Kinh phí giao không tự chủ: Thực hiện hiến máu tình nguyện; hành trình đỏ và trang thông tin điện tử.
- Yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020 ./.



Phụ lục

**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: HỘI CỰU THANH NIÊN XUNG PHONG TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

58

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
I.	Tổng thu	
II.	Tổng chi	319.000
1.	Tổng chi hành chính ngân sách cấp	319.000
	Chi hỗ trợ hoạt động sự nghiệp	319.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	
3.	Chi từ số thu được để lại	

Ghi chú:

Yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020 ./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

**GIÁC ĐUỘ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH
ĐƠN VỊ: HỘI LÀM VƯỜN TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số 2838 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

58

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí
I.	Tổng thu	
II.	Tổng chi	110.000
1.	Tổng chi hành chính ngân sách cấp	110.000
	Chi hỗ trợ hoạt động sự nghiệp	110.000
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm	
3.	Chi từ số thu được để lại	

Ghi chú:

Yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2020 ./.